





| | | | | | | | | | | | |
|---|---|---------------------------------|---|--------|---|------|---|------------|---|---------------------|---|
| <p style="text-align: center;">VIỆN VỆ SINH Y TẾ CÔNG CỘNG TP.HCM Khoa Xét nghiệm Labo Hóa độc chất môi trường</p> | <p>BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN</p> <p>Sodium salicylate</p> | <p>MSDS: 109 16/10/2012</p> | | | | | | | | | |
| Trang phục bảo hộ | | Nhãn | HMSI (USA) | | | | | | | | |
|     | | | <table border="1" style="width: 100%; text-align: center;"> <tr><td style="background-color: #0000FF; color: white;">Health</td><td style="background-color: #0000FF; color: white;">2</td></tr> <tr><td style="background-color: #FF0000; color: white;">Fire</td><td style="background-color: #FF0000; color: white;">1</td></tr> <tr><td style="background-color: #FFFF00; color: black;">Reactivity</td><td style="background-color: #FFFF00; color: black;">0</td></tr> <tr><td style="background-color: #FFFFFF; color: black;">Personal Protection</td><td style="background-color: #FFFFFF; color: black;">E</td></tr> </table> | Health | 2 | Fire | 1 | Reactivity | 0 | Personal Protection | E |
| Health | 2 | | | | | | | | | | |
| Fire | 1 | | | | | | | | | | |
| Reactivity | 0 | | | | | | | | | | |
| Personal Protection | E | | | | | | | | | | |
| 1. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT | | | | | | | | | | | |
| <p>Tên gọi: Sodium salicylate</p> <p>Tên thương mại:</p> <p>Số CAS: 54-21-7</p> <p>Số UN:</p> <p>Số đăng ký EC:</p> <p>Tên nhà sản xuất:</p> <p>Mục đích sử dụng: phân tích hóa độc chất môi trường trong phòng thí nghiệm.</p> | <p>Đơn vị sử dụng:</p> <p>VIỆN VỆ SINH - Y TẾ CÔNG CỘNG TP. HỒ CHÍ MINH Khoa Xét nghiệm Labo Hóa độc chất môi trường 159 Hưng Phú, P.8, Q.8, TP.HCM Điện thoại: (84)(08)38559503 -38559719</p> <p>Liên hệ khẩn cấp: Cháy nổ: 114 Cấp cứu: 115</p> | | | | | | | | | | |
| 2. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN HÓA CHẤT | | | | | | | | | | | |
| Tên thành phần hóa chất | CAS-Number | Công thức cấu tạo | % theo khối lượng | | | | | | | | |
| Sodium salicylate | 54-21-7 | $C_7H_5NaO_3$ | 100 | | | | | | | | |
| 3. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT | | | | | | | | | | | |
| <ul style="list-style-type: none"> - Tác động cấp tính <i>Tiếp xúc với mắt:</i> nguy hại. <i>Nuốt phải:</i> nguy hại. <i>Hít phải:</i> nguy hại. <i>Tiếp xúc với da:</i> nguy hại. - Tác động mãn tính <i>Gây ung thư:</i> không có giá trị. | | | | | | | | | | | |

| | | |
|--|--|------------------------------------|
| <p style="text-align: center;">VIỆN VỆ SINH Y TẾ CÔNG CỘNG TP.HCM</p> <p style="text-align: center;">Khoa Xét nghiệm</p> <p>Labo Hóa độc chất môi trường</p> | <p>BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN</p> <p>Sodium salicylate</p> | <p>MSDS: 109</p> <p>16/10/2012</p> |
| <p><i>Gây đột biến gen:</i> không có giá trị.</p> <p><i>Gây quái thai:</i> không có giá trị.</p> <p><i>Độc tính phát triển:</i> không có giá trị.</p> <p>Sự tiếp xúc liên tục kéo dài và nhiều lần hóa chất này không làm xấu đi tình trạng sức khỏe.</p> | | |
| <p>4. BIỆN PHÁP SƠ CỨU Y TẾ</p> | | |
| <ul style="list-style-type: none"> - Tiếp xúc với mắt Kiểm tra và loại bỏ bất kỳ kính sát trùng. Khi bị tiếp xúc với mắt, phải rửa mắt ngay với nhiều nước ít nhất trong 15 phút, giữ mí mắt mở, có thể sử dụng nước lạnh. Gọi ngay sự trợ giúp từ y tế. - Tiếp xúc với da Rửa ngay bằng nhiều nước. Rửa nhẹ nhàng và cẩn thận vùng da bị nhiễm bẩn dưới dòng nước chảy và xà phòng không ăn mòn. Có thể sử dụng nước lạnh. Xoa vùng da bị nhiễm bẩn bằng kem làm mềm. Thay bỏ quần áo nhiễm bẩn. Gọi trợ giúp từ y tế nếu những kích ứng không giảm. Quần áo nhiễm bẩn phải tẩy giặt trước khi sử dụng lại. Trong trường hợp nặng, rửa bằng xà phòng khử trùng và xoa vùng da bị nhiễm bẩn bằng kem chống khuẩn. Gọi trợ giúp từ y tế. - Hít vào Nếu thở khó khăn, cần cung cấp oxy cho nạn nhân. Nếu hít phải, cần đưa nạn nhân tới phòng thoáng mát. - Nuốt vào Tránh để nạn nhân nôn mửa trừ khi có sự trợ giúp của y tế. Kiểm tra môi và miệng nạn nhân có bị tổn thương hay không. Nới lỏng quần áo, cổ áo, thắt lưng, cà vạt... Nếu nạn nhân không thở, cần thực hiện hô hấp nhân tạo. Gọi trợ giúp từ y tế. | | |
| <p>5. DỮ LIỆU VỀ CHÁY NỔ</p> | | |
| <ul style="list-style-type: none"> - Đặc tính cháy của hóa chất: có thể bốc cháy ở nhiệt độ cao. - Nhiệt độ tự bốc cháy: không có giá trị. | | |

| | | |
|--|--|------------------------------------|
| <p style="text-align: center;">VIỆN VỆ SINH Y TẾ CÔNG CỘNG TP.HCM</p> <p style="text-align: center;">Khoa Xét nghiệm</p> <p>Labo Hóa độc chất môi trường</p> | <p>BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN</p> <p>Sodium salicylate</p> | <p>MSDS: 109</p> <p>16/10/2012</p> |
| <ul style="list-style-type: none"> - Điểm bốc cháy: không có giá trị. - Giới hạn có thể cháy: không có giá trị. - Sản phẩm cháy: cacbon oxít (CO, CO₂), oxít kim loại. - Nguy cơ cháy khi có sự hiện diện các vật chất khác: không có giá trị. - Nguy cơ nổ khi có sự hiện diện các vật chất khác <p><i>Tác động cơ học:</i> không có giá trị.</p> <p><i>Tác động tĩnh:</i> không có giá trị.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chỉ dẫn chữa cháy <p><i>Đám cháy nhỏ:</i> sử dụng bột hóa chất khô.</p> <p><i>Đám cháy lớn:</i> sử dụng tia nước, sương hoặc bọt. Không sử dụng vòi phun nước.</p> | | |
| <p>6. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ</p> | | |
| <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp tràn đổ, rò rỉ mức nhỏ <p>Sử dụng dụng cụ thích hợp xúc bỏ hóa chất đổ rót vào thùng rác, lau sạch bằng nước trên bề mặt bị nhiễm bẩn và thải bỏ theo qui định của pháp luật.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp tràn đổ, rò rỉ mức lớn <p>Sử dụng xẻng xúc bỏ hóa chất vào thùng chứa chất bỏ, lau sạch bằng nước trên bề mặt bị nhiễm bẩn và có thể cho đổ tràn tới hệ thống cống.</p> | | |
| <p>7. BẢO QUẢN VÀ TỒN TRỮ</p> | | |
| <ul style="list-style-type: none"> - Sự đề phòng <p>Đề cách xa nguồn nhiệt, nguồn gây cháy. Trút đổ thùng chứa có khả năng gây cháy, bay hóa chất trong tủ hút. Đặt tất cả thiết bị chứa hóa chất trên nền đất. Không được nuốt hóa chất hay hít bụi. Mặc quần áo bảo hộ thích hợp. Trong trường hợp thiếu thông thoáng, trang bị mặt nạ hô hấp. Nếu nuốt phải cần gọi trợ giúp từ y tế. Ngăn tiếp xúc với da và mắt.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tồn trữ <p>Đóng chặt nắp thùng chứa. Để thùng chứa ở vùng khô ráo, thông thoáng. Đặt các thiết bị trên nền đất. Những vật liệu dễ cháy nên đặt xa khỏi vùng nhiệt hoặc tác chất oxi hóa.</p> | | |
| <p>8. TÁC ĐỘNG LÊN NGƯỜI VÀ YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN</p> | | |

| | | |
|---|--|------------------------------------|
| <p style="text-align: center;">VIỆN VỆ SINH Y TẾ CÔNG CỘNG TP.HCM</p> <p style="text-align: center;">Khoa Xét nghiệm</p> <p>Labo Hóa độc chất môi trường</p> | <p>BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN</p> <p>Sodium salicylate</p> | <p>MSDS: 109</p> <p>16/10/2012</p> |
| <ul style="list-style-type: none"> - Kiểm soát kỹ thuật Sử dụng quy trình khép kín, thông thoáng tại chỗ, hay những kiểm soát kỹ thuật khác để giữ ngưỡng hít thở dưới ngưỡng giới hạn tiếp xúc. Nếu quá trình vận hành tạo ra bụi, khói hoặc sương, thực hiện thông gió để giữ ngưỡng hít thở dưới ngưỡng giới hạn. - Bảo hộ cá nhân: kính bảo hộ, áo khoác phòng thí nghiệm, khẩu trang ngăn bụi, găng tay. - Bảo hộ cá nhân trong trường hợp rò rỉ lớn: kính bảo hộ, trang phục bảo hộ nguyên bộ, mặt nạ ngăn bụi, ủng, găng tay. Thiết bị trợ hô hấp nếu cần. Tham khảo ý kiến chuyên gia trước khi xử lý sự cố. | | |
| <p>9. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT</p> | | |
| <ul style="list-style-type: none"> - Trạng thái và hình dạng vật lý: thể rắn. - Mùi: không có giá trị. - Vị: không có giá trị. - Khối lượng phân tử: 160,11 g/mole. - Màu: không có giá trị. - pH (1% dung môi/nước): không có giá trị. - Điểm sôi: không có giá trị. - Điểm tan chảy: phân hủy. - Nhiệt độ tới hạn: không có giá trị. - Trọng lượng riêng: không có giá trị. - Áp suất bay hơi: không có giá trị - Tỉ trọng bay hơi: không có giá trị. - Sự bay hơi: không có giá trị. - Ngưỡng mùi: không có giá trị. - Hệ số phân phối nước/dầu: không có giá trị. - Ionicity (trong nước): không có giá trị. - Tính chất phân tán: hòa tan trong nước. - Sự hòa tan: dễ dàng hòa tan trong nước lạnh. | | |
| <p>10. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG HOẠT ĐỘNG CỦA HÓA CHẤT</p> | | |

| | | |
|--|--|---------------------------------|
| <p style="text-align: center;">VIỆN VỆ SINH Y TẾ CÔNG CỘNG TP.HCM Khoa Xét nghiệm Labo Hóa độc chất môi trường</p> | <p>BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN</p> <p>Sodium salicylate</p> | <p>MSDS: 109 16/10/2012</p> |
| <ul style="list-style-type: none"> - Độ ổn định: hóa chất ổn định. - Nhiệt độ gây không ổn định: không có giá trị. - Những điều kiện gây không ổn định: không có giá trị. - Những hóa chất không tương thích: không có giá trị. - Tính ăn mòn: không ăn mòn khi đựng trong thủy tinh. - Poly hóa: không xảy ra. | | |
| <p>11. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH</p> | | |
| <ul style="list-style-type: none"> - Đường đi vào: tiếp xúc với mắt, hô hấp, tiêu hóa. - Độc tính lên động vật: liều gây độc cấp tính qua đường tiêu hóa LD₅₀: 540 mg/kg (chuột) - Ảnh hưởng mãn tính lên con người: không có giá trị - Ảnh hưởng độc tính lên con người: không có giá trị. | | |
| <p>12. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI</p> | | |
| <ul style="list-style-type: none"> - Độc tính sinh thái: không có giá trị. - BOD₅ và COD: không có giá trị. - Sản phẩm phân hủy sinh học: những sản phẩm phân hủy ngắn có thể không độc hại. Tuy nhiên về lâu dài có thể tăng nguy cơ độc hại. Độc tính sản phẩm phân hủy: sản phẩm phân hủy độc hại hơn. | | |
| <p>13. YÊU CẦU TRONG VIỆC THẢI BỎ</p> | | |
| <ul style="list-style-type: none"> - Tuân thủ theo Luật 06/2007/QH12 ngày 21 tháng 11 năm 2007. Điều 25 và Điều 35: Xử lý, thải bỏ hóa chất tồn dư, chất thải và dụng cụ hóa chất. - Biện pháp thải bỏ (áp dụng cho chất thải hóa học nguy hại) <i>Tái sử dụng nếu có thể</i> <i>Thu gom và xử lý dạng rắn</i> <ul style="list-style-type: none"> • Chai lọ đựng hóa chất rỗng, chất thải rắn khác có dính hóa chất nguy hại: thu gom vào thùng chứa riêng. Sau đó được đem đốt ở nơi có khả năng xử lý chất thải nguy hại. • Hóa chất hết hạn: làm thủ tục theo quy định. | | |

| | | |
|--|--|---------------------------------|
| <p style="text-align: center;">VIỆN VỆ SINH Y TẾ CÔNG CỘNG TP.HCM</p> <p style="text-align: center;">Khoa Xét nghiệm Labo Hóa độc chất môi trường</p> | <p>BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN</p> <p>Sodium salicylate</p> | <p>MSDS: 109 16/10/2012</p> |
| <p><i>Thu gom và xử lý dạng lỏng</i></p> <ul style="list-style-type: none"> • Dung môi thải, chứa chất hữu cơ, không chứa chất kim loại: thu gom vào thùng riêng. Sau đó được đem đi đốt ở nơi có khả năng xử lý chất thải nguy hại. • Dung dịch chứa kim loại nặng: thu gom vào thùng riêng, được xử lý bằng phương pháp xử lý nước thải thích hợp. • Dung dịch chứa axit, kiềm mà không chứa kim loại: có thể trung hòa và thoát vào cống thoát nước. <p><i>Xử lý hóa chất dạng hơi:</i> vận hành tủ hút có bộ lọc HEPA hoặc hệ thống quạt hút ra ngoài.</p> <p><u>Chú ý:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Nên thu gom theo từng loại xét nghiệm là tốt nhất, có thể chia theo nhóm nhưng chú ý không được trộn lẫn các hóa chất kỵ với nhau (tham khảo trong bảng). - Cố gắng giảm độc tính nguy hại thành chất ít nguy hại hơn. - Chai/lọ đựng hóa chất đã hết hạn có thể sử dụng để đựng chất thải tương ứng của nhóm đó. - Cần ghi rõ thông tin trên mỗi chai/lọ đựng chất thải các thông tin sau: loại chất thải nguy hại (nồng độ nếu có), ngày bắt đầu được thu gom, khoa/phòng có chất thải/ người chịu trách nhiệm thu gom. | | |
| <p>14. YÊU CẦU TRONG VẬN CHUYỂN</p> | | |
| <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện theo 104/2009/NĐ-CP ngày 09/11/2009. - Xếp loại DOT: không áp dụng. Nhận dạng: không áo dụng. | | |
| <p>15. QUY CHUẨN KỸ THUẬT VÀ QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT PHẢI TUÂN THỦ</p> | | |
| <ul style="list-style-type: none"> - Quy chuẩn áp dụng Quy chuẩn Quốc gia: TCVN 5507:2002. Nghị định: số 104/2009/NĐ-CP ngày 09/11/2009. - Xếp loại khác DSCL (EEC): R22- độc hại nếu nuốt phải, gây kích ứng cho da và mắt. HMIS (U.S.A.) | | |

| | | |
|--|--|---------------------------------|
| <p style="text-align: center;">VIỆN VỆ SINH Y TẾ CÔNG CỘNG TP.HCM</p> <p style="text-align: center;">Khoa Xét nghiệm Labo Hóa độc chất môi trường</p> | <p>BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN</p> <p>Sodium salicylate</p> | <p>MSDS: 109 16/10/2012</p> |
| <p>Độc hại sức khỏe: 2 Nguy hiểm cháy: 1 Độ hoạt hóa: 0 Bảo vệ cá nhân: E</p> <p><i>National Fire Protection Association (U.S.A.)</i></p> <p>Sức khỏe: 2 Khả năng cháy: 1 Độ hoạt hóa: 0 Độc hại đặc biệt:</p> | | |
| <p>16. THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC</p> | | |
| <ul style="list-style-type: none"> - Thông tin tham khảo: Sodium salicylate MSDS – science lab.com, INC, Mỹ - Ngày ghi: 16/10/2012 - Ngày sửa đổi gần nhất: 16/10/2012 - Tổ chức biên soạn: Viện Vệ sinh Y tế Công cộng TP.HCM, Khoa Xét nghiệm, Labo Hóa Độc chất Môi trường. <p><i>Lưu ý người đọc:</i></p> <p><i>Những thông tin trong phiếu an toàn hóa chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hóa chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn.</i></p> <p><i>Hóa chất nguy hiểm trong phiếu này có thể có những tính chất nguy hiểm khác tùy theo hoàn cảnh sử dụng và tiếp xúc.</i></p> | | |